

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN BẰNG THẮNG

**HOÀN THIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VIỆT NAM
THEO HƯỚNG ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC HẢI QUAN HIỆN
ĐẠI ĐẾN NĂM 2020**

Chuyên ngành: **Quản lý kinh tế**

Mã số: **62.34.04.10**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội – Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại: **Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. GS.TS. Hoàng Văn Hoa.**
- 2. TS. Đinh Đức Sinh.**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương vào hồi.....ngày.....tháng....năm 2014.

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

- Thư viện Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương;
- Thư viện Quốc gia, Hà Nội.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, chịu sự tác động của các mối quan hệ ngoại thương ngày càng đa dạng, phức tạp hơn. Hải quan được ví như “*người gác cổng nền kinh tế*” vừa tạo thuận lợi thông thoáng hoạt động thương mại - đầu tư - du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế; nhưng phải kiểm soát được buôn lậu, gian lận thương mại, bảo vệ chủ quyền kinh tế, an ninh quốc gia và an toàn xã hội.

Thủ tục hải quan điện tử Việt Nam bắt đầu thí điểm từ 2005, đến nay sau một thời gian áp dụng đã nhận được nhiều lợi ích rất lớn nhưng vẫn còn tồn tại nhiều mặt hạn chế cần khắc phục, đặc biệt là bối cảnh hội nhập, tuân thủ thực hiện cam kết quốc tế. Với những lý do này, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài “*Hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại đến năm 2020*” để nghiên cứu Luận án tiến sỹ kinh tế.

2. Tổng quan nghiên cứu liên quan tới luận án

Trên thế giới, thủ tục hải quan điện tử (TTHQĐT) được ứng dụng phổ biến đặc biệt là các nước kinh tế phát triển quá trình thực hiện từ thập kỷ 80 thế kỷ trước; nhiều công trình nước ngoài chủ yếu nghiên cứu về ứng dụng nghiệp vụ hải quan hiện đại vào thủ tục hải quan. Đối với các công trình trong nước chủ yếu tập trung nghiên cứu cho triển khai thí điểm TTHQĐT về xây dựng mô hình tổ chức, công nghệ thông tin và rộng hơn là các kế hoạch hiện đại hóa hải quan.

Đặc biệt là, chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, dành riêng cho việc hoàn thiện TTHQĐT theo các chuẩn mực hải quan hiện đại mà trọng tâm áp dụng 12 chuẩn mực phổ quát, cần thiết để làm nền tảng cho mở rộng ứng dụng các công ước, điều ước quốc tế khác về hải quan.

3. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

Luận án nhằm giải quyết các vấn đề nghiên cứu: cơ sở lý luận về thủ tục hải quan điện tử gắn với áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại; đánh giá thực trạng triển khai

thủ tục hải quan điện tử Việt Nam trong bối cảnh áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại từ năm 2005 đến nay; hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại thì phải có hệ thống những giải pháp đột phá và điều kiện để thực hiện thành công.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu*: thủ tục hải quan điện tử và vấn đề hoàn thiện theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại.

- *Phạm vi nghiên cứu*: luận án tập trung nghiên cứu 07 vấn đề chủ yếu về: thủ tục hải quan điện tử; chuẩn mực hải quan hiện đại; nhận thức về vai trò của TTHQĐT; khung pháp lý của TTHQĐT; tổ chức bộ máy thực hiện TTHQĐT; ứng dụng và phát triển công nghệ công tin trong TTHQĐT; đào tạo nhân lực cho TTHQĐT.

- *Thời gian và không gian nghiên cứu*: từ năm 2005 đến nay, chủ yếu tại 21 cục hải quan tỉnh, thành phố nơi thực hiện trên 90% khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp: tổng hợp phân tích, so sánh, hệ thống hóa, duy vật biện chứng để phục vụ cho nghiên cứu. Ngoài ra còn sử dụng phương pháp điều tra khảo sát thực tế (1200 doanh nghiệp và 200 cán bộ hải quan), công cụ toán kinh tế, thống kê để đánh giá cả về mặt chất và lượng của kết quả nghiên cứu.

6. Những đóng góp mới của luận án

6.1 Về phương diện lý luận:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản, phân tích nội hàm và đưa ra nội dung mới về: hải quan, thủ tục hải quan, thủ tục hải quan điện tử, chuẩn mực hải quan hiện đại, điều kiện áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại.

- Nghiên cứu các công ước, điều ước quốc tế về hải quan từ đó rút ra 12 chuẩn mực hải quan hiện đại phổ quát; đưa ra tiêu chí đánh giá mức độ áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện TTHQĐT.

6.2 Về phương diện thực tiễn:

- Từ kinh nghiệm của một số nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam, rút ra những bài học thành công, thất bại của các nước khi áp dụng chuẩn mực hải quan hiện

đại trong TTHQĐT để định hướng cho quá trình hoàn thiện TTHQĐT Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá toàn diện dưới nhiều khía cạnh thực trạng áp dụng TTHQĐT Việt Nam theo các chuẩn mực hải quan hiện đại từ năm 2005 đến nay, thông qua số liệu thứ cấp và số liệu từ cuộc điều tra, khảo sát hơn 1200 doanh nghiệp, 200 cán bộ, công chức hải quan.

- Xây dựng mục tiêu, phương hướng hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử đến năm 2020; đề xuất các nhóm giải pháp cốt lõi trong đó tiêu biểu giải pháp tổ chức thành lập Hải quan Vùng; các điều kiện đảm bảo để hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại đến năm 2020.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, các mục lục, luận án gồm 3 chương:

- Chương 1. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục hải quan điện tử theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại.

- Chương 2. Thực trạng thủ tục hải quan điện tử Việt Nam áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại từ năm 2005 đến nay.

- Chương 3. Giải pháp hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam đến năm 2020 theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại.

CHƯƠNG 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ THEO HƯỚNG ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC HẢI QUAN HIỆN ĐẠI

1.1 Thủ tục hải quan điện tử

1.1.1 Hải quan và thủ tục hải quan

- *Hải quan*: là cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chủ quyền quốc gia trong giao thương quốc tế. Thực hiện đảm bảo an ninh kinh tế, an toàn xã hội bằng việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thu thuế và phí, thông quan và ngăn ngừa vi phạm pháp luật, gian lận thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, quá cảnh hàng hóa, phương

tiện vận tải xuất nhập cảnh và quá cảnh.

- *Thủ tục hải quan*: Luật Hải quan (Việt Nam) định nghĩa “thủ tục hải quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải”. Công ước Kyoto định nghĩa tổng quát: “thủ tục hải quan là tất cả các hoạt động mà cơ quan hải quan và những người có liên quan phải thực hiện nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật hải quan”.

- *Thủ tục hải quan truyền thống*: là thủ tục hải quan được thực hiện bằng hình thức thủ công và bắt đầu có sự ứng dụng cơ giới hóa (bằng fax, điện tín và kiểm tra hành lý, hàng hóa bằng máy soi đơn giản) trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và xuất nhập cảnh phương tiện vận tải ở mỗi quốc gia.

- *Thủ tục hải quan điện tử*: là tất cả các hoạt động mà cơ quan hải quan và các bên liên quan phải thực hiện nhằm bảo đảm sự tuân thủ pháp luật hải quan, dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, phương tiện giao tiếp internet.

1.1.2 Vai trò của thủ tục hải quan điện tử

- *Đối với hội nhập quốc tế*: gắn kết nhanh, xóa bỏ rào cản về địa lý, hiệu lực cao, hiệu quả tốt của TTHQĐT trong hợp tác và phát triển giao thương giữa các quốc gia.

- *Đối với công tác quản lý nhà nước*: cho phép đơn giản hóa, giảm thiểu số lượng thủ tục hành chính của ngành hải quan. Cho phép thực hiện triệt để hơn nguyên tắc quản lý tập trung thống nhất. Tác động và thúc đẩy các cơ quan quản lý nhà nước đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa - ứng dụng công nghệ thông tin trong thủ tục hành chính. Minh bạch, rõ ràng nên cho phép tăng cường hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan.

- *Đối với doanh nghiệp*: tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp do cắt giảm chi phí về phí làm tờ khai hải quan, giảm thời gian kiểm tra hồ sơ hải quan, giảm chi phí lưu kho bãi hàng hóa, giảm chi phí đưa và nhận hối lộ với công chức hải quan. Tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp hội nhập quốc tế, xóa bỏ các rào cản quốc gia do thực hiện “một cửa quốc gia”, “một cửa khu vực”.

1.2 Khái niệm chuẩn mực hải quan hiện đại và điều kiện áp dụng trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử

1.2.1 Khái niệm chuẩn mực hải quan hiện đại

- *Chuẩn mực hải quan*: là tất cả các quy định mang tính pháp lý, quy chuẩn trong hoạt động ngoại thương giữa các quốc gia với nhau và giữa quốc gia với tổ chức liên quan về thủ tục hải quan được các tổ chức quốc tế ban hành và các quốc gia thành viên chấp thuận để thực hiện theo.

- *Chuẩn mực hải quan hiện đại là*: là chuẩn mực về hải quan được thực hiện dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, giao dịch điện tử trong môi trường internet để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Trong số hệ thống công ước, điều ước quốc tế về hải quan do WCO, WTO, UN ban hành, có 12 chuẩn mực phổ quát, cần thiết được nhiều nước áp dụng trong xây dựng và hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử gồm:

Bảng 1.4: Danh mục các chuẩn mực hải quan hiện đại phổ quát, cần thiết áp dụng trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

STT	Chuẩn mực hải quan hiện đại	Tổ chức ban hành
1	Tự động hóa tiếp nhận khai báo	WCO
2	Khai báo trước	WCO
3	Thông quan trước	WCO
4	Quản lý rủi ro	WCO
5	Giám chứng từ thương mại	WTO
6	Xác định xuất xứ tự động	WTO
7	Tính trị giá tự động	WTO
8	Áp thuế tự động	WTO
9	Nộp thuế tự động	WTO
10	Thông quan tự động	WCO
11	Trao đổi thông tin điện tử	UN
12	Giảm chi phí	WTO

Nguồn: Tổng hợp của NCS về rà soát thực hiện cam kết quốc tế Hải quan Việt Nam, năm 2013.

1.2.2 Điều kiện áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử

- Phải có quyết tâm chính trị lớn của lãnh đạo quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế.
- Đầu tư bài bản cho các điều kiện cần thiết để xây dựng luật pháp, công nghệ

thông tin, đào tạo nguồn nhân lực áp dụng TTHQĐT.

- Hợp tác đầy đủ chặt chẽ, cùng chia sẻ giữa cơ quan nhà nước với các doanh nghiệp trong xây dựng chính sách TTHQĐT.

- Doanh nghiệp đầu tư thỏa đáng nguồn lực, hạ tầng công nghệ thông tin cho quá trình triển khai thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại.

1.3 Các yếu tố tác động đến áp dụng thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại

1.3.1 Nhóm yếu tố bên ngoài

Thứ nhất, yếu tố quốc tế:

- Xu thế và sức ép của hội nhập quốc tế: tạo cho các quốc gia cơ hội, thuận lợi mới để phát triển, đồng thời là thách thức và sức ép buộc các quốc gia phải cải cách mạnh mẽ để tham gia sân chơi, luật chơi chung;

- Sự giúp đỡ, hỗ trợ của các quốc gia, các tổ chức quốc tế, các đối tác hợp tác: hỗ trợ, hợp tác giữa các quốc gia và tổ chức quốc tế để đảm bảo sức mạnh trong áp dụng thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại.

Thứ hai, yếu tố quốc gia:

Sự quyết tâm chính trị được cụ thể hóa trong xây dựng chính sách, hệ thống cơ sở pháp lý để làm nền tảng thực hiện và quyết định đầu tư nguồn lực của cả Nhà nước, doanh nghiệp nhằm tạo ra động lực mới cho sự phát triển đất nước.

1.3.2 Nhóm yếu tố bên trong (thuộc về cơ quan hải quan)

- *Tư duy nhận thức và quan điểm của lãnh đạo ngành hải quan về áp dụng TTHQĐT theo các chuẩn mực hải quan hiện đại:* nhận thức đúng tầm quan trọng của vấn đề này và với quyết tâm cao, đầu tư thỏa đáng thì sẽ thúc đẩy việc sớm áp dụng có hiệu quả; ngược lại, sẽ cản trở làm chậm tiến độ, lộ trình áp dụng TTHQĐT.

- *Cơ cấu bộ máy, trình độ tổ chức:* thủ tục hải quan điện tử có đặc điểm rút ngắn khoảng cách địa lý hành chính, do đó cần phải có bộ máy tổ chức tốt quản lý chặt chẽ theo hướng tập trung, thống nhất hiệu quả mà cơ cấu bộ máy tổ chức kiểu truyền thống không thể đáp ứng được.

- *Cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ khoa học công nghệ của các cơ quan hải quan:* đây là điều kiện cực kỳ quan trọng, sẽ giúp tiết kiệm được thời gian xử lý các công việc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện nhanh thủ tục hải quan, thông quan hàng hoá, đặc biệt là trong hiện thủ tục hải quan điện tử.

- *Nguồn nhân lực cơ quan hải quan:* đổi mới hiện đại hóa hải quan, nâng cao năng lực cho lực lượng hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử là vấn đề cốt yếu để đảm bảo cho mọi thành công trong cải cách hiện đại hóa và ứng dụng TTHQĐT.

1.4 Kinh nghiệm một số nước về thực hiện thủ tục hải quan điện tử và bài học rút ra cho Hải quan Việt Nam

Việt Nam thực hiện TTHQĐT muộn hơn so với nhiều nước trên thế giới, là quốc gia đi sau nên được thừa hưởng khá nhiều kinh nghiệm nhiều nước đi trước có điều kiện tương đồng.

1.4.1 Kinh nghiệm của một số nước

- *Hàn Quốc:* (1) Tạo lập và đưa vào sử dụng hệ thống tự động hóa hải quan theo mô hình tập trung; (2) Tổ chức hải quan theo mô hình hai cấp; (3) Áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong thủ tục hải quan điện tử và trong nhiều lĩnh vực khác.

- *Singapore:* (1) Thành lập đơn vị chuyên trách tình báo hải quan và quản lý rủi ro; (2) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin bài bản và luôn có song song 2 hệ thống để đảm bảo an toàn an ninh; (3) Ứng dụng nhiều chuẩn mực hải quan hiện đại trong thủ tục hải quan điện tử.

- *Nhật Bản:* (1) Xây dựng một hệ thống tổ hợp thủ tục hải quan điện tử trên cơ sở hợp nhất nhiều hệ thống cho tất cả các đối tượng nhà nước - hải quan - doanh nghiệp cùng tương tác sử dụng trong hoạt động xuất nhập khẩu và quản lý nội bộ; (2) Hệ thống thủ tục hải quan tự động phải dựa trên nền tảng hai hệ thống chính thông quan tự động (NACCs) và thông tin tình báo hải quan (CIS).

1.4.2 Bài học rút ra cho Hải quan Việt Nam

- *Những bài học thành công:* (1) Thực hiện chủ trương, kế hoạch gắn xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin với ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển TTHQĐT. (2) Tăng cường đồng bộ hóa giữa hải quan điện tử với Chính phủ điện tử để

thực hiện các kết nối tự động giữa hải quan với các Bộ ngành, địa phương. (3) Xây dựng, phát triển hệ thống thông quan điện tử tự động phải áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại và luôn có sự cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. (4) Tập trung xây dựng, thu thập thông tin tình báo hải quan và mở rộng áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro tự động cho từng nghiệp vụ hải quan của cả ba khâu trước - trong - sau thông quan hàng hóa.

- *Những bài học chưa thành công*: (1) Tiếp nhận xử lý thông tin khai báo thủ tục hải quan điện tử phụ thuộc hoàn toàn vào hệ thống VAN. (2) Áp dụng nguyên mẫu nội dung các chuẩn mực không phù hợp với thực tiễn hệ thống cơ sở pháp lý và thông lệ ngoại thương của quốc gia.

Những bài học này sẽ giúp cho Việt Nam trong quá trình định hướng, triển khai, hoàn thiện TTHQĐT theo các chuẩn mực hải quan hiện đại đến năm 2020.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VIỆT NAM ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC HẢI QUAN HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 2005 ĐẾN NAY

2.1 Tổng quan về Hải quan Việt Nam

Hải quan Việt Nam được thành lập ngày 10/9/1945 theo Sắc lệnh số 27-SL với tên gọi là “Sở thuế quan và thuế gián thu” thuộc Bộ Tài chính, đến năm 1954 được đổi thành “Sở Hải quan Trung ương” thuộc Bộ Công Thương. Ngày 20/8/1984, Hội đồng Nhà nước thành lập Tổng cục Hải quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Tuy nhiên đến năm 2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định chuyển giao Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính như ngày đầu thành lập.

Quá trình hình thành, phát triển qua nhiều tên gọi, vị trí, quy mô khác nhau nhưng Hải quan Việt Nam vẫn thực hiện đầy đủ chức năng như hải quan các nước. Hải quan Việt Nam thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO); hệ thống được tổ chức theo ngành dọc từ Tổng cục tới Cục hải quan, Chi cục hải quan. Từ năm 2005 bắt đầu thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

2.2 Phân tích thực trạng thủ tục hải quan điện tử Việt Nam áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại từ năm 2005 đến nay

2.2.1 Nội dung thực hiện điện tử hoá thủ tục hải quan của Việt Nam

Kỹ thuật điện tử đã được sử dụng trong một số nghiệp vụ hải quan từ những năm 80 của thế kỷ trước, bằng việc số hóa một số thông tin nghiệp vụ và thông tin khai báo hải quan. Chính thức đánh dấu năm 2005 bằng việc thí điểm TTHQĐT với mục tiêu “chuyển đổi từ thủ tục hải quan thủ công sang thủ tục hải quan điện tử”.

2.2.2 Phân tích thực trạng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại vào quá trình triển khai thủ tục hải quan điện tử Việt Nam từ năm 2005 đến nay

Căn cứ vào điều kiện pháp lý, nguồn lực, trình độ đáp ứng công nghệ thông tin của quốc gia, với mục tiêu từng bước cải cách hoạt động nghiệp vụ hải quan theo hướng hiện đại ngành Hải quan bước đầu đã áp dụng một số chuẩn mực hải quan hiện đại trong TTHQĐT như sau:

Một là, áp dụng chuẩn mực tự động hóa tiếp nhận. Ngay từ năm 2005, Hải quan Việt Nam đã xây dựng cơ sở pháp lý để thực hiện. Quá trình tổ chức thực hiện chuẩn mực này được hoàn thiện dần theo từng giai đoạn, nhưng đến nay vẫn dừng lại ở mức độ đáp ứng một phần, dự kiến trong năm 2014 sẽ tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao.

Hai là, áp dụng chuẩn mực khai báo trước. Luật hải quan và các văn bản hướng dẫn cho phép khai báo trước ngày hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu và có giá trị trong 15 ngày, đối với hàng hóa xuất khẩu chậm nhất trước 8 giờ khi phương tiện vận tải xuất cảnh. Đây là chuẩn mực được tổ chức thực hiện đầy đủ với số lượng hồ sơ khai báo trước chiếm trên 81% tổng số hồ sơ hải quan.

Ba là, về chuẩn mực thông quan trước. Mặc dù Hải quan Việt Nam đã áp dụng chuẩn mực khai báo trước từ lâu, nhưng đến nay chuẩn mực thông quan trước chưa được quy định vào hệ thống pháp luật nên chưa thể tổ chức thực hiện.

Bốn là áp dụng chuẩn mực quản lý rủi ro. Hệ thống pháp luật đã quy định nhưng phạm vi được tập trung vào khâu trong thông quan; đối với khâu trước và sau thông quan chưa được quy định đầy đủ, do vậy so với yêu cầu thì mức độ đáp ứng chuẩn mực này mới đạt một phần.

Năm là, áp dụng chuẩn mực giảm chứng từ thương mại. Hải quan Việt Nam đã quy định chuẩn mực này để thực hiện đề án 30 cải cách thủ tục hành chính với mục tiêu sát nhập và cắt giảm 30% chứng từ hồ sơ thủ tục hải quan. Tuy nhiên, mức độ thực hiện chuẩn mực này đáp ứng mới chỉ đạt một phần, do quản lý của các bộ ngành vẫn phải sử dụng chứng từ giấy và thiếu sự kết nối tập trung thông tin trong cơ quan hải quan.

Sáu là, áp dụng chuẩn mực thông quan tự động. Ngay từ khi bắt đầu triển khai TTHQĐT đã quy định “hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ tự động tiếp nhận, kiểm tra và quyết định thông quan”. Đến nay do hệ thống công nghệ thông tin chưa đạt chuẩn và thiếu dữ liệu nên trong TTHQĐT công chức vẫn phải can thiệp thủ công, do đó chưa triển khai được chuẩn mực này.

Bảy là, áp dụng chuẩn mực trao đổi thông tin. Hệ thống luật pháp đã quy định cho phép quá trình thực hiện trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp và các bên liên quan. Thực tế việc trao đổi thông tin giữa hải quan và doanh nghiệp với các ngành khác chủ yếu vẫn bằng văn bản giấy, riêng mức độ trao đổi thông tin điện tử giữa hải quan với doanh nghiệp đạt 50%.

Tám là, về chuẩn mực áp thuế tự động. Cơ sở pháp lý đã quy định một phần cho phép tính thuế tự động; thực tế triển khai dừng lại ở đối chiếu mã số thuế và thuế suất trên tờ khai với biểu thuế, để kiểm tra tính chính xác về số học, việc thực hiện tự động kiểm tra logic mới đáp ứng được một phần còn phần lớn phải thao tác thủ công.

Chín là, áp dụng chuẩn mực nộp thuế tự động. Trong 3 năm gần đây Bộ Tài chính đã ban hành cơ sở pháp lý từng bước đổi mới phương thức thu nộp thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu kết nối thông tin nộp thuế giữa 3 bên hải quan - kho bạc nhà nước - ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, phương thức này chỉ là bước khởi đầu điện tử hóa quy trình nộp thuế mà chưa đạt mức độ đáp ứng chuẩn mực là nộp thuế tự động.

Mười là, áp dụng chuẩn mực giảm chi phí. Hải quan Việt Nam quy định mục tiêu giảm cắt giảm 30% chi phí trong hoạt động xuất nhập khẩu (đề án 30 CCTTHC). Tuy nhiên, thực tế các chi phí bỏ ra còn rất lớn. Số liệu Ngân hàng Thế giới (Doing business 2014) công bố của Việt Nam, chi phí để xuất khẩu là 610 USD/container; nhập khẩu là 600 USD/container. Thực trạng phản ánh hiệu quả thực hiện chuẩn mực

này mới đạt một phần rất nhỏ bé.

Mười một, áp dụng các chuẩn mực xuất xứ tự động và chuẩn mực tính giá tự động. Hiện nay Việt Nam chưa có cơ sở pháp lý quy định cho thực hiện hai chuẩn mực này trong TTHQĐT. Do đó chưa thể triển khai 2 chuẩn mực xuất xứ tự động và tính giá tự động trong thực hiện TTHQĐT.

Đánh giá thực trạng áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại vào thủ tục hải quan điện tử Việt Nam, được tổng hợp như sau.

Bảng 2.1: Bảng đánh giá thực trạng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam đến 31/12/2013

Tên chuẩn mực	Hệ thống pháp luật Việt Nam			Tổ chức thực hiện			Mức độ đáp ứng		
	Đã quy định	Quy định chưa đầy đủ	Chưa quy định	Thực hiện đầy đủ	Thực hiện một phần	Chưa thực hiện	Đáp ứng đầy đủ	Đáp ứng một phần	Chưa đáp ứng
1. Tự động hóa tiếp nhận	X				X			X	
2. Khai báo trước	X			X			X		
3. Thông quan trước			X			X			X
4. Áp dụng QLRR	X				X			X	
5. Giảm chứng từ thương mại		X			X			X	
6. Xác định xuất xứ tự động			X			X			X
7. Tính giá tự động			X			X			X
8. Áp thuế tự động		X			X			X	
9. Nộp thuế tự động		X			X			X	
10. Thông quan tự động	X					X			X
11. Trao đổi thông tin điện tử	X				X			X	
12. Giảm chi phí		X			X			X	

Nguồn: Tổng hợp của NCS về rà soát hệ thống chuẩn mực cam kết quốc tế của Hải quan Việt Nam, năm 2013.

2.2.3 Phân tích thực trạng chủ trương chính sách và các biện pháp đã triển khai thực hiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam từ năm 2005 đến nay

Thứ nhất, chủ trương, nhận thức triển khai thủ tục hải quan điện tử:

- *Đối với Đảng, Nhà nước (Quốc hội, Chính phủ).*

+ Chủ trương của Đảng: Nhận thấy tầm quan trọng, Bộ chính trị đã ban hành chỉ thị số 58/CT-TW “ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là phương tiện chủ lực để đi tắt đón đầu. Rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước”. Ngành hải quan giao nhiệm vụ “*tập trung phát triển các dịch vụ điện tử trong lĩnh vực hải quan đảm bảo các điều kiện cần thiết phù hợp với tiến độ hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế*”.

+ Nhận thức của Chính phủ: thực hiện ký kết gia nhập các công ước, điều ước quốc tế trong đó có lĩnh vực hải quan; triển khai nhiều đề án tin học hoá quản lý hành chính phù hợp với các mục tiêu trong từng giai đoạn.

+ Hành động của Quốc hội: từ năm 2005 đến nay đã ban hành hệ thống cơ sở pháp lý với số lượng lớn, góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và nâng cao nhận thức về vai trò TTHQĐT trong mỗi cán bộ các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

- *Đối với ngành hải quan:* nhận thức lãnh đạo cấp cao của ngành hải quan để đưa ra kế hoạch hành động, quy trình thực hiện hiện đại hóa hải quan và đi đến triển khai thí điểm TTHQĐT từ năm 2005.

- *Đối với cộng đồng doanh nghiệp:* quá trình triển khai TTHQĐT các doanh nghiệp lớn đầu tư trực nước ngoài (FDI) đã hợp tác chặt chẽ với cơ quan hải quan và tiên phong ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị. Tuy nhiên rất nhiều lãnh đạo doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ vai trò của TTHQĐT nên còn chưa thực sự đầu tư về tài chính, nguồn lực để thực hiện.

Thứ hai, xây dựng và sửa đổi cơ sở pháp lý để triển khai thủ tục hải quan điện tử:

Trong giai đoạn từ 2003 - 2013, Nhà nước đã cụ thể hóa chủ trương bằng triển khai xây dựng và ban hành khối lượng rất lớn hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, về: (1) chiến lược, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử trong quản lý hành chính nhà nước. (2) xây dựng và triển khai thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Thứ ba, thành lập và củng cố bộ máy tổ chức triển khai thủ tục hải quan điện tử:

- Giai đoạn 2005 - 2009: (1) thành lập Ban chỉ đạo triển khai kế hoạch hiện đại hóa hải

quan mà trọng tâm thực hiện thí điểm thủ tục hải quan điện tử. (2) thành lập mới bộ máy Chi cục Hải quan điện tử trực tiếp thừa hành thực thi thí điểm thủ tục hải quan điện tử.

- Từ năm 2009 - nay: (1) xây dựng đơn vị chuyên trách cấp Tổng cục để chỉ đạo đẩy mạnh quá trình mở rộng thí điểm thủ tục hải quan điện tử. (2) thay đổi mô hình triển khai thủ tục hải quan điện tử khép kín tại một Chi cục hải quan điện tử sang áp dụng thủ tục hải quan điện tử cho các Chi cục hải quan truyền thống.

Thứ tư, đã đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin triển khai thủ tục hải quan điện tử, tuy nhiên chưa thực sự đáp ứng yêu cầu tự động hóa theo chuẩn mực hải quan hiện đại.

Thứ năm, chuẩn bị nhân lực để triển khai thủ tục hải quan điện tử:

- Giai đoạn 2005-2009: (1) gửi cán bộ đi học tập kinh nghiệm của một số nước và tổ chức về triển khai thủ tục hải quan điện tử. (2) lựa chọn, điều động cán bộ tốt xây dựng bộ máy nòng cốt cho 02 Chi cục Hải quan điện tử.

- Giai đoạn 2009- nay: (1) xây dựng đội ngũ cán bộ nòng cốt cho đơn vị chuyên trách triển khai thủ tục hải quan điện tử cấp Tổng cục. (2) đào tạo mở rộng tất cả các công chức hải quan và doanh nghiệp. (3) doanh nghiệp chuẩn bị nguồn nhân lực để triển khai thực hiện.

Thứ sáu, triển khai một số dịch vụ công hỗ trợ triển khai thủ tục hải quan điện tử:
 (1) cung cấp miễn phí phần mềm khai báo thủ tục hải quan điện tử cho doanh nghiệp.
 (2) phát triển đại lý khai báo thủ tục hải quan điện tử. (3) hỗ trợ đào tạo và xử lý vướng mắc miễn phí cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử. (4) cung cấp các dịch vụ công khác có liên quan cho doanh nghiệp khi tham gia TTHQĐT. (5) cung cấp hạ tầng đường truyền internet cho doanh nghiệp.

Thứ bảy, kết quả cụ thể triển khai thủ tục hải quan điện tử trên các nội dung:

- Phạm vi địa bàn triển khai (số cục, chi cục)

Trong giai đoạn từ 2005-2009, thời kỳ đầu của quá trình thí điểm thủ tục hải quan điện tử được triển khai tại 02 Chi cục Hải quan điện tử (chiếm tỷ lệ 1,77% so với cả nước) thuộc 02 Cục Hải quan Hải Phòng, Hồ Chí Minh. Đến ngày 15/12/2013, thủ tục hải quan điện tử triển khai trên phạm vi cả nước với số Chi cục Hải quan thực hiện

148/174 (đạt 85,06 % so với cả nước) với tốc độ tăng bình quân 27,85% trên một năm. Năm 2013 tăng lên 34 cục hải quan (đạt 100% so với cả nước), gấp 17 lần so với năm 2005 khi bắt đầu thực hiện.

Bảng 2.15: Số lượng Cục Hải quan, Chi cục Hải quan triển khai từ 2005 đến 2013.

Chỉ tiêu Năm	Số Cục Hải quan triển khai TTHQĐT	Tổng số Cục Hải quan cả nước	Tỷ lệ so với Tổng số Cục HQ cả nước	Số Chi cục Hải quan triển khai thủ tục HQ điện tử	Tổng số Chi cục HQ cả nước	Tỷ lệ so với tổng số Tổng số chi cục HQ cả nước
2005	02	33	6,06%	02	113	1,77%
2006	02	33	6,06%	02	113	1,77%
2007	02	33	6,06%	02	113	1,77%
2008	02	33	6,06%	02	113	1,77%
2009	10	33	30,3%	30	113	26,55%
2010	13	33	39,4%	70	113	61,95%
2011	19	33	57,6%	90	120	75,00%
2012	21	33	61,8%	101	136	74,30%
2013	34	34	100%	148	174	85,06%

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tổng kết chương trình công tác năm của ngành Hải quan từ 2005 đến năm 2013.

- Số lượng doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Bắt đầu triển khai thí điểm tháng 9/2005 với 48 doanh nghiệp được lựa chọn, với tỷ lệ chiếm 0,11% tổng số doanh nghiệp xuất nhập khẩu cả nước; đến ngày 15/12/2013 số lượng doanh nghiệp thực hiện đạt 47.776 doanh nghiệp (chiếm 96,00% tổng số lượng doanh nghiệp xuất nhập khẩu cả nước). Như vậy, so sánh giữa hai thời điểm cuối năm 2005 với cuối năm 2013 thì số doanh nghiệp đã tăng lên gấp 995 lần tương đương tăng thêm 99.433,33%.

Thủ tục hải quan điện tử hầu hết đã đến từng doanh nghiệp trên khắp cả nước và đây là tiền đề tốt để chuẩn bị cho ngành Hải quan tiếp tục nâng cao và áp dụng những chuẩn mực hải quan hiện đại.

Bảng 2.16: Số lượng doanh nghiệp thực hiện từ năm 2005 đến 2013.

Năm	Số doanh nghiệp thực hiện thủ tục HQ điện tử (DN)	Tổng số DN hoạt động XNK cả nước (DN)	Tỷ lệ so sánh giữa DN thực hiện TTHQĐT so với tổng số DN hoạt động XNK cả nước (%)
2005	48	44.581	0,11%
2006	195	44.992	0,43%
2007	245	45.454	0,54%
2008	352	46.899	0,75%
2009	403	47.112	0,86%
2010	3.135	47.483	6,60%

2011	30.919	47.444	65,17
2012	47.100	51.018	92,32%
2013	47.776	49.767	96,00%

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ các Báo cáo tổng kết ngành Hải quan và các Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam từ năm 2005 đến 2013.

- Khối lượng tờ khai và kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa được thông qua thủ tục hải quan điện tử.

Số tờ khai được thực hiện thủ tục hải quan điện tử năm 2005 là 8.183 tờ khai (chỉ chiếm 0,52% số tờ khai cả nước) đây là con số rất khiêm tốn nhưng là thành quả lớn cho một sự khởi đầu. Đến ngày 15/12/2013, số tờ khai thực hiện đạt 5.481.000 tờ khai chiếm 92,55% tổng số tờ khai cả nước.

Với bước chuyển mạnh mẽ này, quy mô xuất nhập khẩu thông qua thủ tục hải quan điện tử ngày càng được nâng lên, năm 2005 là 1.304 triệu USD chỉ chiếm 1,88% tổng kim ngạch XNK cả nước thì đến năm 2013 TTHQĐT với 228.740 triệu USD chiếm 91,16%. Như vậy, về lượng thủ tục hải quan điện tử đã đạt được những thành quả to lớn, tạo tiền đề nền tảng cho bước chuyển mình nâng cao, hoàn thiện về chất trong giai đoạn tiếp theo.

Bảng 2.17: Số liệu về tờ khai và kim ngạch xuất nhập khẩu thực hiện qua TTHQ điện tử và cả nước, giai đoạn 2005 đến 2013.

Tiêu chí Năm	Tờ khai thực hiện TTHQĐT (tờ khai)	Tổng số Tờ khai HQ cả nước (tờ khai)	Tỷ lệ Tờ khai HQĐT so với Tờ khai cả nước (%)	Kim ngạch XNK qua TTHQĐT (triệu USD)	Tổng số Kim ngạch XNK cả nước (triệu USD)	Tỷ lệ Kim ngạch qua HQĐT so với tổng KN XNK cả nước (%)
2005	8.183	1.588.457	0,52	1.304	69.416	1,88
2006	20.147	1.825.368	1,10	2.813	84.717	3,32
2007	25.370	2.058.117	1,23	3.445	111.244	3,10
2008	29.520	2.617.689	1,13	5.148	143.399	3,59
2009	36.944	3.023.889	1,22	3.915	127.045	3,08
2010	333.055	3.518.285	9,47	42.230	157.075	26,89
2011	2.510.153	4.300.189	58,37	158.933	203.656	78,04
2012	4.379.000	5.152.000	85,00	214.300	228.310	93,86
2013	5.481.000	5.922.000	92,55	228.740	250.930	91,16

Nguồn: Tổng hợp của NCS từ các Báo cáo tổng kết ngành Hải quan và các Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam từ năm 2005 đến 2013.

- Hiệu quả cải cách thủ tục hành chính và giảm chi phí khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử: (1) cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu hồ sơ chứng từ khai báo khi

thực hiện thủ tục hải quan điện tử. (2) nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. (3) rút ngắn thời gian trung bình thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu để giảm chi phí về thời gian lưu kho, lưu bãi.

Bảng 2.17: Thống kê thời gian trung bình thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu năm 2013

Đơn vị: phút

Tiêu chí	Thực hiện TTHQ điện tử	Thực hiện TTHQ truyền thống
Thời gian thông quan hàng hóa trung bình đối với luồng Xanh (<i>phút</i>)	5 -10	60 -180
Thời gian thông quan hàng hóa trung bình đối với luồng Vàng (<i>phút</i>)	20 - 30	180 -360
Thời gian thông quan hàng hóa trung bình đối với luồng Đỏ (<i>phút</i>)	480 - 2400	480 - 2400

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tổng kết TTHQĐT và một số kết quả khảo sát đo lường thời gian thông quan của Tổng cục Hải quan trong giai đoạn 2005 đến 2013

Trong năm 2013 thời gian trung bình để doanh nghiệp và hải quan thực hiện thủ tục hải quan truyền thống (thủ công) ít nhất là: 680.700.120 phút, tương đương 1.418.125 ngày làm việc. Trong khi đó để thực hiện thủ tục hải quan điện tử là: 285.133.995 phút, tương đương 594.029 ngày làm việc (tám giờ/ngày). Như vậy, chênh lệch thời gian giữa TTHQĐT với thủ tục hải quan thủ công là: 395.566.125 phút, tương đương 824.096 ngày làm việc (tám giờ/ngày).

Khối lượng thời gian tiêu tốn này, cơ quan hải quan và doanh nghiệp đã mất rất nhiều chi phí tài chính, con người, trụ sở làm việc để đáp ứng nhu cầu công việc. Khi áp dụng TTHQĐT đã tiết kiệm thời gian, nhân lực, tiền lương, chỗ làm việc và đầu tư trụ sở cơ quan.

2.3 Thực trạng các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại.

2.3.1 Thực trạng nhóm yếu tố bên ngoài

Thứ nhất, những yếu tố quốc tế:

- Xu thế và sức ép của hội nhập kinh tế quốc tế: Việt Nam đã tham gia các tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Liên hiệp quốc (UN), ASEAN, APEC, ASEM..thành

viên chính thức đàm phán Hiệp định xuyên Thái Bình Dương (TPP). Do vậy, các yêu cầu, quy định ràng buộc cho các thành viên thì Việt Nam đều phải tham gia đầy đủ.

- Yêu cầu hội nhập trong lĩnh vực hải quan: là thành viên của Tổ chức Hải quan Thế giới, nên phải tuân thủ đầy đủ tất cả các công ước do tổ chức này đưa ra theo lộ trình nhất định. Đến nay Hải quan Việt Nam đã ký hơn 186 hiệp định song phương, đa phương với hải quan các nước và khu vực.

Tuy nhiên, bên cạnh thành tựu thì còn nhiều tồn tại, đánh giá tại Nghị quyết Đại hội Đảng X có nêu *“chưa gắn kết chặt chẽ tiến trình hội nhập với việc hoàn thiện pháp luật, thể chế, chính sách và cải cách cơ cấu kinh tế; việc nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa của doanh nghiệp và của nền kinh tế chưa theo kịp hội nhập”*.

Thứ hai là, yếu tố quốc gia:

Tác động trực tiếp đến thực thi chuẩn mực hải quan hiện đại đó là khung pháp luật quốc gia quy định và mức độ nguồn lực tài chính được đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống văn bản pháp lý được nội luật hóa chuẩn mực còn khiêm tốn, không đồng bộ nên thực thi khó khăn. Nguồn lực tài chính từ ngân sách đầu tư còn chưa đáp ứng hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin để hiện đại hóa, tự động hóa.

2.3.2 Thực trạng nhóm yếu tố bên trong

- Tư duy nhận thức và quan điểm của lãnh đạo ngành hải quan về áp dụng TTHQĐT theo các chuẩn mực hải quan hiện đại: giai đoạn đầu thí điểm thủ tục hải quan điện tử 2005 - 2009 nhận thức mới chỉ bắt đầu xuất phát từ một số lãnh đạo và cán bộ ở cấp Tổng cục, cán bộ ở cấp địa phương còn rất hạn chế, dẫn đến việc triển khai gặp nhiều khó khăn, thách thức. Từ năm 2010 đến nay với sự quyết liệt vào cuộc của cả hệ thống ngành hải quan từ cấp Tổng cục đến địa phương, công tác triển khai thủ tục hải quan điện tử đã có sự đột phá với bước tiến nhảy vọt.

- Cơ cấu bộ máy, trình độ tổ chức: từ năm 2005 đến nay được quan tâm đúng mức và kịp thời; đặc biệt là từ năm 2007 có đơn vị chuyên trách triển khai thủ tục hải quan điện tử.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ khoa học công nghệ của các cơ quan hải quan: từ năm 2005, ngành hải quan tập trung vốn từ ngân sách đầu tư lớn cho hạ tầng phần

cứng và hệ thống phần mềm. Ngoài ra còn được sự giúp đỡ to lớn từ Ngân hàng thế giới, Chính phủ Nhật Bản.

- Nguồn nhân lực của cơ quan hải quan: để tạo nguồn nhân lực tốt, ngành hải quan đã hợp tác với Tổ chức Hải quan thế giới và hải quan một số nước (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Pháp, Mỹ...) đào tạo các nghiệp vụ hải quan hiện đại. Để nâng cao nghiệp vụ tình báo hải quan, từ tháng 10/2013 Hải quan Việt Nam cử đại diện thường trực tại Tổ chức hải quan thế giới và tiến tới đặt tại Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc.

2.4 Đánh giá tổng quát thực trạng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại trong thực hiện TTHQĐT Việt Nam hiện nay

2.4.1 Những thành công đạt được

- Đã tác động tích cực tới nhận thức của xã hội về sự cần thiết phải chuyển việc thực hiện thủ tục hải quan từ phương thức truyền thống sang phương thức điện tử.

- Xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, đặc biệt là về công nghệ thông tin đã được đầu tư nâng cấp.

- Cộng đồng doanh nghiệp được hưởng lợi từ thực hiện TTHQĐT.

- Một bộ phận cán bộ hải quan và doanh nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng làm nòng cốt cho triển khai hiện đại hóa hải quan.

2.4.2 Một số hạn chế, yếu kém

- Hệ thống thể chế, chính sách áp dụng chuẩn mực hải quan hiện đại trong TTHQĐT của các Bộ ngành với cơ quan hải quan còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ.

- Hệ thống công nghệ thông tin của ngành hải quan với các Bộ ngành chưa được kết nối giao dịch và trao đổi thông tin quản lý chính sách hàng hóa. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan còn yếu kém chưa đạt mức độ tự động hóa theo chuẩn mực hải quan hiện đại.

- Tổ chức bộ máy ngành hải quan công kênh, phân tán, chậm đổi mới để bắt kịp yêu cầu quản lý tập trung hải quan điện tử, không giới hạn không gian địa lý.

- Đội ngũ nhân lực còn hạn chế đặc biệt là thiếu hẳn đội ngũ chuyên gia trong nhiều lĩnh vực nghiệp vụ hải quan hiện đại (giá, mã, kiểm soát, tình báo, phân tích phân loại, quản lý rủi ro, công nghệ thông tin).

2.4.3 Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

Thứ nhất, nguyên nhân thuộc về Nhà nước:

- Nhận thức của các cấp Bộ, Ngành chưa đầy đủ và theo kịp yêu cầu của hợp tác quốc tế và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Khung pháp lý về TTHQĐT còn nhiều bất cập.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển công nghệ thông tin thiếu cân xứng.

Thứ hai, nguyên nhân thuộc về cơ quan Hải quan:

- Tổ chức bộ máy ngành Hải quan chưa theo kịp yêu cầu phát triển của thủ tục hải quan điện tử.

- Nhân lực trình độ cao phục vụ phát triển áp dụng TTHQĐT còn thiếu và yếu so với yêu cầu.

Thứ ba, nguyên nhân thuộc về các doanh nghiệp:

- Nhận thức của doanh nghiệp chưa thực sự muốn áp dụng thủ tục hải quan điện tử, do đó chưa có sự đầu tư thỏa đáng cho việc thực hiện TTHQĐT này.

- Hệ thống máy tính kết nối, chất lượng phần mềm của doanh nghiệp chưa thực sự hiện đại và tương thích với các cơ quan quản lý nhà nước; thường gặp sự cố trong thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

CHƯƠNG 3:

MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020 THEO HƯỚNG ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC HẢI QUAN HIỆN ĐẠI

3.1 Bối cảnh hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam

3.1.1 Bối cảnh quốc tế

Việc hoàn thiện TTHQĐT Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 được tiến hành trong bối cảnh quốc tế đầy biến động, tạo ra nhiều lực đẩy nhưng cũng đầy thách thức, lực cản cho quá trình hoàn thiện này, như: Cách mạng khoa học công nghệ hiện đại; Tái cấu trúc nền kinh tế toàn cầu; Thực hiện các cam kết quốc tế về hải quan

khi thành lập Cộng đồng kinh tế ASEAN.

3.1.2 Bối cảnh trong nước

Việt Nam đã mở cửa và hội nhập sâu kinh tế quốc tế, đứng trước những yêu cầu cải cách và giải quyết những vấn đề trong nước để bước vào sân chơi chung thế giới, với hàng loạt các mục tiêu lớn phải thực hiện gồm: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa (bổ sung và phát triển năm 2011)*. *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020*. *Ban hành hiến pháp mới 2013 sửa đổi hiến pháp năm 1992*.

3.2 Mục tiêu, quan điểm, phương hướng hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam đến năm 2020 theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại

3.2.1 Mục tiêu hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam đến năm 2020

Thủ tục hải quan điện tử thực hiện tại 100% số Cục hải quan, Chi cục hải quan, tất cả các loại hình, 95% kim ngạch xuất nhập khẩu, 100% số doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này. Thực hiện việc nộp chứng từ xuất khẩu, nhập khẩu chỉ một lần và tại một cơ quan đầu mối, đạt mức 95% vào năm 2020.

3.2.2 Quan điểm hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam

- Phục vụ phát triển có hiệu quả bền vững hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

- Theo chuẩn mực hải quan hiện đại phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.

- Đảm bảo tính đồng bộ hệ thống trong hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử.

3.2.3 Phương hướng hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam đến năm 2020

- Phù hợp với mục tiêu, quan điểm trên đây việc hoàn thiện TTHQĐT Việt Nam đến năm 2020 được xác định trên cơ sở áp dụng những chuẩn mực hải quan hiện đại.

- Đẩy mạnh việc áp dụng chuẩn mực “tự động hóa tiếp nhận” đã thực hiện và áp dụng đầy đủ 11 chuẩn mực chưa được thực hiện, gồm: *khai báo trước, thông quan trước, áp dụng quản lý rủi ro, giảm chứng từ thương mại, xác định xuất xứ tự động, tính giá tự động, áp thuế tự động, nộp thuế tự động, thông quan điện tử, trao đổi thông tin điện tử và giảm chi phí*.

3.3. Giải pháp hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại đến năm 2020

3.3.1 Tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò, lợi ích việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại

Thứ nhất, đối với Nhà nước (Quốc Hội, Chính phủ, Bộ ngành)

- Quốc Hội cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò thực hiện TTHQĐT trong các thể chế, nghị quyết của mình, để làm nền tảng pháp lý cho Chính phủ thực hiện.

- Chính phủ, các Bộ ngành liên quan tăng cường nhận thức về vai trò của quá trình cải cách, quản lý bằng nền hành chính điện tử và tính bắt buộc trong kết nối với TTHQĐT để quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh trước năm 2015.

Thứ hai, đối với cơ quan hải quan.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức cho hệ thống cán bộ hải quan từ cấp trung ương đến địa phương về tính tất yếu, xu thế không thể đảo ngược, trì hoãn chủ trương ứng dụng toàn diện thủ tục hải quan điện tử trong mọi khâu nghiệp vụ hải quan.

- Hoàn thiện đầy đủ các quy trình nghiệp vụ cụ thể của thủ tục hải quan điện tử trước năm 2020.

- Xây dựng các chế tài, cơ chế giám sát, kiểm soát quản lý tuân thủ việc thực thi quy trình nghiệp vụ thủ tục hải quan điện tử.

Thứ ba, đối với cộng đồng doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

- Tăng cường sự phối hợp tuyên truyền nâng nhận thức về vai trò và lợi ích mang lại cho doanh nghiệp.

- Có cơ chế khuyến khích và chế tài định hướng, doanh nghiệp tuân thủ áp dụng thủ tục hải quan điện tử.

3.3.2 Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới khung pháp luật về TTHQĐT

Thực tiễn đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều quy định pháp lý thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, Bộ, ngành. Trong đó, tập trung quan trọng nhất là ban hành mới những nội dung về TTHQĐT trong: luật hải quan, luật thương mại, luật thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu, luật giao dịch điện tử, luật công nghệ thông tin. Đây là những đạo luật trụ cột liên quan tới hải quan nói chung, TTHQĐT.

3.3.3 Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử

- Hoàn thiện, bổ sung chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin đến năm 2020.

- Phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông - ứng dụng công nghệ công tin đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo chuẩn mực hải quan hiện đại. Với 3 hệ thống trụ cột: (1) xây dựng hệ thống kết nối giữa các cơ quan Hải quan - Hải quan. (2) xây dựng hệ thống kết nối giữa cơ quan Hải quan - Bộ, ngành. (3) xây dựng hệ thống tiếp nhận xử lý dữ liệu khai báo hải quan giữa cơ quan hải quan - doanh nghiệp.

- Tăng cường an ninh, an toàn hệ thống thực hiện thủ tục hải quan điện tử của cơ quan hải quan và cả doanh nghiệp. Nguy cơ cơ quan hải quan và doanh nghiệp bị hacker và mất dữ liệu thông tin thực hiện thủ tục hải quan đòi hỏi phải đảm bảo cho an ninh an toàn của hệ thống phần mềm, hệ thống phần cứng theo các yêu cầu của chuẩn mực về tự động hóa và bảo mật cao.

3.3.4. Đổi mới tổ chức bộ máy ngành hải quan theo yêu cầu hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử

Thứ nhất, xác định lại vị trí, chức năng của Tổng cục Hải quan.

- Về vị trí, do đặc thù riêng về nhiệm vụ của ngành Hải quan, Chính phủ cần ban hành cho Tổng cục Hải quan là cơ quan Tổng cục đặc biệt có thẩm quyền trong ban hành và chỉ đạo chuyên môn tương đương cấp Bộ để đảm bảo tính thống nhất, độc lập.

- Về chức năng, bổ sung nhiệm vụ thu thập thông tin tình báo hải quan trong và ngoài nước để phục vụ cho quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện xuất cảnh nhập cảnh.

Thứ hai, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức ngành Hải quan.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức để đáp ứng yêu cầu của TTHQĐT là không có giới hạn về địa lý hành chính và tập trung thống nhất về dữ liệu thông tin trong chỉ đạo điều hành, cần phải thực hiện:

- Thu gọn số lượng đơn vị khối cơ quan Tổng cục từ 17 đơn vị hiện nay xuống còn 14 đơn vị Vụ, Cục tham mưu .

- Thành lập Hải quan Vùng trên cơ sở sắp xếp lại 34 Cục hải quan tỉnh, thành phố

hiện nay thành 12 đơn vị Hải quan Vùng. Điều này sẽ xóa bỏ “khoảng cách hành chính”, nâng cao tính tập trung, thống nhất trong chỉ đạo nghiệp vụ, giảm thiểu chi phí bộ máy, hạn chế chi phối can thiệp sai lệch của chính quyền địa phương.

3.3.5. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử

Con người luôn là nhân tố trung tâm và hạt nhân cho mọi chiến lược, hành động; hiện đại hóa hải quan cần thực hiện nội dung sau:

- *Xây dựng một chiến lược đào tạo đội ngũ chuyên gia dài hạn từ nay đến 2020 để làm nền tảng cho triển khai.*

- *Tập trung nguồn tài chính cho đào tạo đội ngũ chuyên gia (trong ngoài nước).*

- *Xác lập phạm vi nội dung cần đào tạo trình độ cao nhằm đáp ứng thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực quốc tế.*

3.4 Điều kiện đảm bảo để thực hiện mục tiêu hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam đến năm 2020 và một số kiến nghị

3.4.1 Điều kiện đảm bảo

Thứ nhất, Đảng, Quốc Hội, Chính phủ cần tiếp tục khẳng định quyết tâm chính trị, tăng cường chỉ đạo về nhận thức vai trò ứng dụng thủ tục hải quan điện tử theo các chuẩn mực hải quan hiện đại.

Thứ hai, tăng cường thực hiện đầu tư bài bản mang tính tập trung và khoa học trong xây dựng và ứng dụng thủ tục hải quan điện tử theo chuẩn mực hải quan hiện đại.

Thứ ba, chủ động hợp tác quốc tế và nội luật hóa các cam kết quốc tế về hải quan vào hệ thống pháp luật Việt Nam.

3.4.2 Một số kiến nghị

Thứ nhất, sự cần thiết xây dựng, hoàn thiện Chính phủ điện tử.

Thứ hai, cần khẳng định vị trí chủ trì của cơ quan hải quan trong phối hợp quản lý hoạt động các cơ quan trên địa bàn các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Trước bối cảnh chung trong và ngoài nước thương mại và trao đổi hàng hóa ngày càng nhiều với tốc độ nhanh chóng trong khi đó nguy cơ khủng bố toàn cầu ngày càng gia tăng. Hải quan được ví là người gác cổng nền kinh tế đất nước đang đứng trước áp lực phải theo kịp tốc độ phát triển kinh tế toàn cầu, tạo thuận lợi thông thoáng trong mua bán, đầu tư, du lịch giữa các quốc gia, nhưng một mặt phải kiểm soát được và ngăn chặn loại trừ các yếu tố nguy hại đến an ninh, an toàn đến nền kinh tế đất và cộng đồng xã hội.

Với yêu cầu lớn này, phương pháp quản lý theo thủ tục hải quan truyền thống và hải quan điện tử hiện nay chưa thể đáp ứng đầy đủ được, Luận án về “Hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại đến năm 2020” là một công trình nghiên cứu đã: (1) Hệ thống hóa các luận cứ về lý luận về thủ tục hải quan điện tử, chuẩn mực hải quan hiện đại làm nền tảng cho quá trình phân tích, nghiên cứu để tìm ra hướng giải quyết vấn đề. (2) Phân tích, đánh giá thực trạng quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam theo các chuẩn mực hải quan hiện đại từ năm 2005 để có cái nhìn trung thực, đầy đủ về hiện tại. (3) Từ đó xây dựng những nhóm giải pháp trọng yếu, có vai trò then chốt trong giải quyết tồn tại để hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại.

Do khuôn khổ nghiên cứu bị hạn chế về thời gian và nguồn lực nên Luận án chưa thể bao quát hết tất cả các vấn đề về thủ tục hải quan theo các chuẩn mực hải quan hiện đại nên không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định.

Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các chuyên gia để có thể hoàn thiện luận án của mình hơn.

Trân trọng cảm ơn!

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

TT	Tên bài báo	Số, Năm	Tạp chí khoa học
1	Thủ tục hải quan điện tử Việt Nam - Thực trạng và một số giải pháp tạo điều kiện.	Đặc biệt, (8-2013)	Tạp chí Kinh tế và Phát triển – ISSN 1859-0012
2	Về chuẩn mực Hải quan hiện đại trong cơ sở pháp lý áp dụng cho thủ tục hải quan điện tử ở Việt Nam.	Số 55 (8-2013)	Tạp chí Quản lý kinh tế - ISSN 1859-039X
3	Phát triển thủ tục hải quan điện tử đáp ứng hội nhập kinh tế quốc tế.	Số 16 (552) 2013	Tạp chí Kinh tế và Dự báo - ISSN 0866-7120
4	Thủ tục Hải quan điện tử Việt Nam - Những yêu cầu đặt ra cần hoàn thiện đến năm 2020 để đáp ứng hội nhập kinh tế quốc tế.	Số 408 (8-2013)	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương – ISSN 0868-3808
5	Thủ tục hải quan điện tử trong bối cảnh áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại	Số 08 (586) 2013	Tạp chí Tài chính – ISSN 005-56
6	Tăng cường căn cứ pháp lý cho việc hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử Việt Nam theo hướng áp dụng các chuẩn mực hải quan hiện đại.	Số 8-2013	Tạp chí Nghiên cứu Hải quan
7	Hải quan điện tử - vai trò quan trọng trong bối cảnh hội nhập nền kinh tế thế giới.	Số 38 (8-2010)	Tạp chí Công nghiệp – ISSN 0868-3778
8	Triển khai hải quan điện tử thúc đẩy quá trình cải cách hành chính tại Việt Nam.	Số 8 (61) 2010	Tạp chí Tài chính&Đầu tư – ISSN 005-56
9	Thêm ba địa bàn được triển khai thủ tục hải quan điện tử.	Số 98 (8-2010)	Tạp chí Quản lý ngân quỹ Quốc gia – ISSN 1859-4999